

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022



Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Bảng cân đối kế toán riêng	3 - 4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	5
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	6
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	7 - 21

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 0306731335 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“Sở KH&ĐT”) Tỉnh Bình Dương cấp ngày 16 tháng 1 năm 2009, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCKHCM”) với mã chứng khoán “MWG” theo Quyết định niêm yết số 253/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 7 tháng 7 năm 2014.

Hoạt động chính trong năm kế toán hiện tại của Công ty là quản lý các khoản đầu tư vào các công ty con.

Công ty có trụ sở chính tại Số 222, Đường Yersin, Phường Phú Cường, Thị Xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Tòa nhà MWG, Lô T2-1.2, Đường D1, Khu Công nghệ cao, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Đức Tài	Chủ tịch	
Ông Trần Kinh Doanh	Thành viên điều hành	từ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2022
Ông Trần Huy Thanh Tùng	Thành viên điều hành	
Ông Đặng Minh Lượm	Thành viên điều hành	
Ông Đoàn Văn Hiếu Em	Thành viên điều hành	
Ông Thomas Lanyi	Thành viên không điều hành	
Ông Robert Willett	Thành viên không điều hành	
Ông Đào Thế Vinh	Thành viên độc lập	
Ông Nguyễn Tiến Trung	Thành viên độc lập	
Ông Đỗ Tiến Sĩ	Thành viên độc lập	

ỦY BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên Ủy ban kiểm toán trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Tiến Trung	Chủ tịch	
Ông Trần Huy Thanh Tùng	Thành viên	từ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2022
Ông Đào Thế Vinh	Thành viên	

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Huy Thanh Tùng	Tổng Giám đốc	bỏ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2022
Ông Trần Kinh Doanh	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2022
Ông Phạm Văn Trọng	Giám đốc Kỹ thuật	
Ông Vũ Đăng Linh	Giám đốc Tài chính	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Huy Thanh Tùng	bỏ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2022
Ông Trần Kinh Doanh	từ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2022

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (“Nhóm công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (“báo cáo tài chính hợp nhất”) đề ngày 30 tháng 01 năm 2023.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Trần Huy Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Ngày 30 tháng 01 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.977.717.799.769	5.022.314.878.131
110	I. Tiền	4	855.646.065.874	2.090.337.215
111	1. Tiền		55.646.065.874	2.090.337.215
	2. Tương đương tiền		800.000.000.000	
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		1.111.115.692.433	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	1.111.115.692.433	-
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		6.912.486.937	5.011.043.134.922
135	1. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	-	4.314.280.000.000
136	2. Phải thu ngắn hạn khác	7	6.912.486.937	696.763.134.922
150	III. Tài sản ngắn hạn khác		4.043.554.525	9.181.405.994
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	-	7.637.928.083
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	10	-	521.168.111
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	10	4.043.554.525	1.022.309.800
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		22.898.026.417.165	17.955.698.441.707
210	I. Khoản phải thu dài hạn		2.616.200.000.000	-
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	6	2.616.200.000.000	-
250	II. Đầu tư tài chính dài hạn		20.224.757.111.707	17.955.698.441.707
251	1. Đầu tư vào các công ty con	9.1	20.224.757.111.707	17.955.698.441.707
260	III. Tài sản dài hạn khác		57.069.305.458	-
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	57.069.305.458	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		24.875.744.216.934	22.978.013.319.838

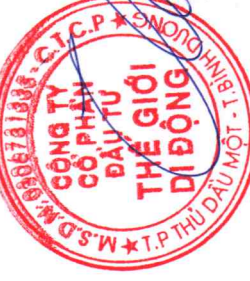
Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán mười hai tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022		Cho kỳ kế toán mười hai tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	
			Số quý này Năm nay VND	Số lũy kế Năm nay VND	Số quý này Năm trước VND	Số lũy kế Năm trước VND
1 Doanh thu hoạt động tài chính	21	14	190.015.722.388	2.798.779.424.063	2.893.425.453.589	3.732.160.222.427
2 Chi phí tài chính	22	15	(175.163.743.192)	(487.646.169.517)	(96.440.617.788)	(302.651.146.997)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		(174.154.265.806)	(467.344.121.378)	(96.440.617.788)	(302.447.146.737)
3 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	16	(8.182.954.361)	(20.407.885.471)	(1.553.505.414)	(9.145.792.761)
4 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.669.024.835	2.290.725.369.075	2.795.431.330.387	3.420.363.282.669
5 Thu nhập khác	31		-	204.445.462	-	14.046.291
6 Chi phí khác	32		(19)	(4.401.646)	-	14.046.291
7 Lỗ khác	40		(19)	200.043.816	-	-
8 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.669.024.816	2.290.925.412.891	2.795.431.330.387	3.420.377.328.960
9 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	171	-	-	1.022.309.800	(4.044.741.317)
10 Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		6.669.024.816	2.290.925.412.891	2.796.453.640.187	3.416.332.587.643



(Handwritten signature)

(Handwritten signature)

Vũ Đăng Linh
Giám đốc Tài chính

Trần Huy Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Lý Trần Kim Ngân
Người lập

Ngày 30 tháng 01 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		2.290.925.412.891	3.420.377.328.960
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		6.944.564.819	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	12	(2.798.779.424.063)	(3.732.160.222.427)
06	Chi phí lãi vay	13	467.344.121.378	302.447.146.737
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(33.565.324.975)	(9.335.746.730)
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		697.234.302.405	(697.112.291.385)
11	Giảm các khoản phải trả		(1.674.322.345)	(1.824.177.912)
12	Tăng chi phí trả trước		(72.789.531.184)	(36.453.950.001)
14	Tiền lãi vay đã trả		(458.830.792.613)	(225.846.275.048)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.021.244.725)	(4.777.265.854)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		127.353.086.563	(975.349.706.930)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
23	Tiền chi cho vay		(6.415.260.257.252)	(3.850.429.894.686)
24	Tiền thu hồi cho vay		6.995.280.000.000	2.359.024.894.686
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(15.094.354.580.000)	(4.103.019.650.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		12.825.295.910.000	62.038.750.000
27	Tiền thu lãi từ tiền gửi, cho vay và cổ tức		2.791.916.937.763	3.773.697.871.365
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		1.102.878.010.511	(1.758.688.028.635)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	13.1	191.909.700.000	228.253.030.000
32	Mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	13.1	(5.025.640.000)	(2.320.000.000)
33	Tiền thu từ đi vay		8.698.450.000.000	4.597.954.613.415
34	Tiền trả nợ gốc vay		(8.530.154.613.415)	(1.854.600.000.000)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	13.1	(731.854.815.000)	(237.635.732.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(376.675.368.415)	2.731.651.911.415
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		853.555.728.659	(2.385.824.150)
60	Tiền đầu năm		2.090.337.215	4.476.161.365
70	Tiền cuối năm	4	855.646.065.874	2.090.337.215

Lý Trần Kim Ngân
Người lập

Vũ Đăng Linh
Giám đốc Tài chính

Trần Huy Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 01 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 0306731335 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“Sở KH&ĐT”) Tỉnh Bình Dương cấp ngày 16 tháng 1 năm 2009, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCKHCM”) với mã chứng khoán “MWG” theo Quyết định niêm yết số 253/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 7 tháng 7 năm 2014.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là quản lý các khoản đầu tư vào các công ty con.

Công ty có trụ sở chính tại Số 222, Đường Yersin, Phường Phú Cường, Thị Xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Tòa nhà MWG, Lô T2-1.2, Đường D1, Khu Công nghệ cao, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Cơ cấu tổ chức

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có bảy (7) công ty con trực tiếp như sau:

Tên công ty	Trụ sở	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết (%)	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty con				
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Thương mại sản phẩm điện tử	99,95	99,95
Công ty Cổ phần Công nghệ và Đầu tư Bách Hóa Xanh	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quản lý khoản đầu tư	99,99	-
Công ty Cổ phần Thế giới Số Trần Anh	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Thương mại sản phẩm điện tử	99,33	99,33
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Công nghệ thông tin	100,00	100,00
Công ty Cổ phần 4K Farm	Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	Nông nghiệp	99,99	99,99
Công ty Cổ phần Logistics Toàn Tín	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Kho vận	99,99	99,99
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Lắp đặt - Sửa chữa - Bảo hành Tận Tâm	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ sửa chữa	99,99	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Thương mại thực phẩm	-	99,95

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 9.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đề ngày 30 tháng 01 năm 2023.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty, và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.4 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.6 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.7 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.9 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.10 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi ngân hàng	55.646.065.874	2.090.337.215
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng (*)	800.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	855.646.065.874	2.090.337.215

(*) Đây là các khoản tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn không quá 3 tháng và hưởng tiền lãi theo lãi suất áp dụng.

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư tài chính ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng và trái phiếu năm giữ có kỳ hạn từ 3 tháng đến 1 năm và hưởng lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	-	4.314.280.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	-	100.000.000.000
Cho vay Công ty Cổ phần Thế giới di động	-	4.214.280.000.000
Dài hạn	2.616.200.000.000	-
Cho vay Công ty Cổ phần Thế giới di động (*)	<u>2.616.200.000.000</u>	-
TỔNG CỘNG	<u>2.616.200.000.000</u>	<u>4.314.280.000.000</u>

(*) Phải thu cho vay thể hiện khoản cho công ty con vay

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 18)	-	696.000.000.000
Lãi tiền gửi phải thu	3.688.284.931	-
Lãi trái phiếu phải thu	3.174.201.369	-
Khác	<u>50.000.637</u>	<u>763.134.922</u>
TỔNG CỘNG	<u>6.912.486.937</u>	<u>696.763.134.922</u>

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	-	7.637.928.083
Chi phí bảo lãnh phát hành trái phiếu	-	7.637.928.083
Dài hạn	57.069.305.458	-
Chi phí thu xếp khoản vay	<u>57.069.305.458</u>	-
TỔNG CỘNG	<u>57.069.305.458</u>	<u>7.637.928.083</u>

9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào các công ty con (Thuyết minh số 9.1)	<u>20.224.757.111.707</u>	<u>17.955.698.441.707</u>

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

9.1 Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty con như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Số cuối năm		Số đầu năm		
			% sở hữu	Giá gốc đầu tư VND	Dự phòng VND	% sở hữu	Giá gốc đầu tư VND
Công ty Cổ phần Công nghệ và Đầu tư Bách Hóa Xanh (iv)	Hồ Chí Minh, Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	99,99	14.049.800.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động (i)	Hồ Chí Minh, Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	99,95	4.426.023.111.000	-	3.626.466.331.000	-
Công ty Cổ phần Thế Giới Số Trần Anh	Hà Nội, Việt Nam	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	99,33	860.937.300.707	-	860.937.300.707	-
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Hồ Chí Minh, Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	100,00	538.000.000.000	-	538.000.000.000	-
Công ty Cổ phần 4K Farm (i)	- Vũng Tàu, Việt Nam	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	99,99	149.998.900.000	-	99.998.900.000	-
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Lắp đặt - Sửa chữa - Bảo hành Tận Tâm (iii)	Hồ Chí Minh, Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	99,99	99.998.900.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Logistics Toàn Tín (i)	Hồ Chí Minh, Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	99,99	99.998.900.000	-	5.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh (ii)	Hồ Chí Minh, Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	-	-	-	12.825.295.910.000	-
TỔNG CỘNG				20.224.757.111.707	-	17.955.698.441.707	-

(i) Trong năm, Công ty đã góp thêm vốn vào các công ty con này.

(ii) Trong năm, Công ty đã bán cổ phần của Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh cho công ty con là Công ty Cổ phần Công nghệ và Đầu tư Bách Hóa Xanh, theo đó Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh đã trở thành công ty con gián tiếp của Công ty, theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01_2022/NQĐHĐCĐ/TGĐĐ ngày 23 tháng 4 năm 2022, được chấp thuận bởi Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

9.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

- (iii) Trong năm, Công ty đã mua cổ phần của Công ty Cổ phần Dịch Vụ Lắp đặt - Sửa chữa - Bảo hành Tận Tâm từ công ty con là Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động, theo đó Công ty Cổ phần Dịch Vụ Lắp đặt - Sửa chữa - Bảo hành Tận Tâm đã trở thành công ty con trực tiếp của Công ty, theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 13/NQ/HĐQT-2021 ngày 3 tháng 11 năm 2021.
- (iv) Trong năm, Công ty thành lập công ty con trực tiếp là Công ty Cổ phần Công nghệ và Đầu tư Bách Hóa Xanh theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 09/NQ/HĐQT-2022 ngày 13 tháng 4 năm 2022. Công ty thực hiện góp vốn cho công ty con này theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 12/NQ/HĐQT-2022 ngày 23 tháng 5 năm 2022 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 17/NQ/HĐQT-2022 ngày 28 tháng 7 năm 2022 với tổng số vốn góp là 14.049.800.000.000 VND.

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Phải nộp				
Thuế thu nhập cá nhân	-	7.796.963.305	(7.796.963.305)	-
Khác	161.398.673	13.733.632.055	(13.895.030.728)	-
TỔNG CỘNG	161.398.673	21.530.595.360	(21.691.994.033)	-
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.022.309.800	3.021.244.725	-	4.043.554.525
Thuế giá trị gia tăng	521.168.111	1.892.928.224	(2.414.096.335)	-
TỔNG CỘNG	1.543.477.911	4.914.172.949	(2.414.096.335)	4.043.554.525

11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	59.372.443.940	78.000.602.336
Chi phí dịch vụ chuyên nghiệp	20.444.708	550.657.209
Khác	70.000.006	302.244.002
TỔNG CỘNG	59.462.888.654	78.853.503.547

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. VAY	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm	VND
Ngắn hạn	5.729.171.280.064	2.800.983.333.351	(8.530.154.613.415)	(8.530.154.613.415)	-
Vay ngân hàng	1.829.554.613.415	-	(1.829.554.613.415)	-	-
Vay dài hạn từ ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 12.1)	2.768.400.000.000	2.797.200.000.000	(5.565.600.000.000)	-	-
Trái phiếu thông thường đến hạn trả	1.131.216.666.649	3.783.333.351	(1.135.000.000.000)	-	-
Dài hạn	-	5.901.250.000.000	-	5.901.250.000.000	
Vay dài hạn từ ngân hàng (Thuyết minh số 12.1)	-	5.901.250.000.000	-	5.901.250.000.000	
TỔNG CỘNG	5.729.171.280.064	8.702.233.333.351	(8.530.154.613.415)	5.901.250.000.000	

12.1 Vay ngân hàng

Công ty thực hiện các khoản vay tín chấp với lãi suất thả nổi này nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động, chi tiết như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm	Ngày đáo hạn
Vay ngân hàng	VND 5.901.250.000.000	Ngày 15 tháng 9 năm 2025

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

13.1 Tình hình tăng (giảm) nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước					VND
Số đầu năm	4.532.099.870.000	522.021.325.200	(6.040.930.000)	8.714.514.099.519	13.762.594.364.719
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	3.416.332.587.643	3.416.332.587.643
Phát hành cổ phiếu ESOP	222.212.100.000	-	6.040.930.000	-	228.253.030.000
Chia cổ tức cổ phiếu	2.376.342.980.000	-	-	(2.376.342.980.000)	-
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(2.320.000.000)	-	(2.320.000.000)
Cổ tức công bố	-	-	-	(237.635.732.000)	(237.635.732.000)
Số cuối năm	7.130.654.950.000	522.021.325.200	(2.320.000.000)	9.516.867.975.162	17.167.224.250.362
Năm nay					
Số đầu năm	7.130.654.950.000	522.021.325.200	(2.320.000.000)	9.516.867.975.162	17.167.224.250.362
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	2.290.925.412.891	2.290.925.412.891
Phát hành cổ phiếu ESOP (i)	191.909.700.000	-	-	-	191.909.700.000
Cổ phiếu quỹ (i)	(2.320.000.000)	-	2.320.000.000	-	-
Mua lại cổ phiếu	-	-	(5.025.640.000)	-	(5.025.640.000)
Chia cổ tức cổ phiếu (ii)	7.318.548.150.000	-	-	(7.318.548.150.000)	-
Chia cổ tức tiền (ii)	-	-	-	(731.854.815.000)	(731.854.815.000)
Số cuối năm	14.638.792.800.000	522.021.325.200	(5.025.640.000)	3.757.390.423.053	18.913.178.908.253

(*) Vào ngày 11 tháng 1 năm 2021, Công ty đã hoàn thành việc phát hành cổ phiếu phổ thông cho cán bộ chủ chốt của Công ty là 13.518.333 cổ (i)
Vào ngày 4 tháng 4 năm 2022, Công ty đã hoàn thành việc phát hành cổ phiếu phổ thông cho cán bộ chủ chốt của Công ty là 19.190.970 cổ
phiếu với mức giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu từ việc phát hành cổ phiếu mới, theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số
01_2021/NQĐHĐCĐ/TGDĐ, Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 02/NQ/HĐQT-2022 về việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho
người lao động ("ESOP"). Vào ngày 18 tháng 4 năm 2022, Công ty đã nhận Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 27 từ Sở
KH & ĐT Tỉnh Bình Dương về việc tăng vốn điều lệ từ 7.130.654.950.000 VND lên 7.322.564.650.000 VND.

Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua việc giảm vốn cổ phần bằng cách hủy 232.000 cổ phiếu cổ phiếu quỹ mà Công
ty mua lại từ người lao động đã nghỉ việc với mức mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu theo Nghị quyết số 01_2022/NQĐHĐCĐ/TGDĐ ngày 23
tháng 4 năm 2022 và Nghị quyết số 10/NQ/HĐQT-2022 ngày 25 tháng 4 năm 2022. Vào ngày 29 tháng 4 năm 2022, Công ty đã nhận Giấy Chứng
nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 28 được cấp bởi Sở KH & ĐT Tỉnh Bình Dương cho về việc giảm vốn điều lệ của Công ty từ
7.322.564.650.000 VND xuống 7.320.244.650.000 vào ngày này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

13.1 Tình hình tăng (giảm) nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(ii) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01_2022/NQĐHĐCĐ/TGĐĐ ngày 23 tháng 4 năm 2022 và theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 11/NQ/HĐQT-2022 ngày 27 tháng 4 năm 2022, Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị đã thông qua phương thức chi trả cổ tức bằng tiền với tổng giá trị là 731.854.815.000 và phương thức chi trả cổ tức bằng việc phát hành số lượng 731.854.815 cổ phiếu mới (tương đương tỉ lệ thực hiện 1:1 trên số lượng cổ phiếu đang lưu hành) với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu cho các Cổ đông hiện hữu của Công ty, từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Vào ngày 28 tháng 6 năm 2022, Công ty đã hoàn thành việc chi trả cổ tức phù hợp với những Nghị quyết đã nêu trên. Theo đó, vốn cổ phần của Công ty tăng từ 7.320.244.650.000 VND lên 14.638.792.800.000 VND vào ngày này. Vào ngày 15 tháng 7 năm 2022, Công ty đã nhận Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 29 được cấp bởi Sở KH & ĐT Tỉnh Bình Dương cho về việc tăng vốn điều lệ của Công ty từ 7.320.244.650.000 VND lên 14.638.792.800.000 vào ngày này

13.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu kỳ	7.130.654.950.000	4.532.099.870.000
Phát hành cổ tức cổ phiếu	7.318.548.150.000	2.376.342.980.000
Phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP	191.909.700.000	222.212.100.000
Hủy cổ phiếu quỹ	(2.320.000.000)	-
Số cuối năm	<u>14.638.792.800.000</u>	<u>7.130.654.950.000</u>

13.3 Cổ phiếu

	<u>Số cổ phiếu</u>	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.463.879.280	713.065.495
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.463.879.280	713.065.495
Số lượng cổ phiếu quỹ		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(502.564)	(232.000)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.463.376.716	712.833.495

Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 VND thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ cổ tức	2.398.670.325.559	3.398.116.290.941
Lãi tiền cho vay	268.285.934.432	315.072.565.379
Lãi chênh lệch tỉ giá hối đoái	100.316.741.446	-
Lãi tiền gửi	23.382.846.053	1.865.524.437
Lãi thu từ trái phiếu	8.123.576.573	-
Phí thu xếp vốn	-	17.105.841.670
TỔNG CỘNG	<u>2.798.779.424.063</u>	<u>3.732.160.222.427</u>

15. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	467.344.121.378	302.447.146.737
Lỗ chênh lệch tỉ giá hối đoái	13.210.932.001	204.000.260
Chi phí thu xếp khoản vay	7.091.116.138	-
TỔNG CỘNG	<u>487.646.169.517</u>	<u>302.651.146.997</u>

16. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.022.463.503	6.597.253.482
Chi phí tự vấn	3.213.452.566	2.429.341.525
Khác	1.171.969.402	119.197.754
TỔNG CỘNG	<u>20.407.885.471</u>	<u>9.145.792.761</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

17.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.290.925.412.891	3.420.377.328.960
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	458.185.082.578	684.075.465.792
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí phân bổ không được trừ	-	(418.833.840)
Chi phí thuế TNDN trích thiếu những năm trước	-	11.367.553
Thu nhập từ cổ tức	(479.734.065.112)	(679.623.258.188)
Lỗ thuế chưa ghi nhận thuế TN hoãn lại	21.548.982.534	-
Chi phí thuế TNDN	-	4.044.741.317

17.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

18. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	Công ty con
Công ty Cổ phần Công nghệ và Đầu tư Bách Hóa Xanh	Công ty con
Công ty Cổ phần Thế giới Số Trần Anh	Công ty con
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Công ty con
Công ty Cổ phần 4K Farm	Công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau (tiếp theo):

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Logistics Toàn Tín	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Lắp đặt - Sửa chữa - Bảo hành Tận Tâm	Công ty con
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Bán lẻ An Khang	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH VuiVui	Công ty con gián tiếp
MWG (Cambodia) Co., Ltd	Công ty con gián tiếp
PT Era Blue Elektronik	Công ty liên doanh

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	Công ty con	Cổ tức	2.398.670.325.559	3.398.116.290.941
		Cho vay	4.027.200.000.000	2.752.800.000.000
		Góp vốn	799.556.780.000	799.556.780.000
		Lãi cho vay	262.157.824.842	296.598.573.056
		Phí thu xếp hạn mức	-	17.105.841.670
Công ty Cổ phần Công nghệ và Đầu tư Bách Hóa Xanh	Công ty con	Góp vốn	14.049.800.000.000	-
		Chuyển nhượng cổ phần	12.825.295.910.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Công ty con gián tiếp	Thu hồi tạm ứng	696.000.000.000	-
		Góp vốn	-	3.198.463.970.000
		Tạm ứng	-	696.000.000.000
Công ty Cổ phần Logistics Toàn Tín	Công ty con	Góp vốn	94.998.900.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Tận Tâm	Công ty con	Góp vốn	99.998.900.000	-
Công ty Cổ phần 4K Farm	Công ty con	Góp vốn	50.000.000.000	99.998.900.000
Ông Robert Willet	Thành viên Hội đồng Quản trị	Chi phí tư vấn	2.234.342.566	2.089.027.208

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:
VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu cho vay ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	Công ty con	Cho vay	-	4.214.280.000.000
Phải thu cho vay dài hạn				
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	Công ty con	Cho vay	2.616.200.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Công ty con	Tạm ứng	-	696.000.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	Công ty con	Thu hộ	10.666.667	



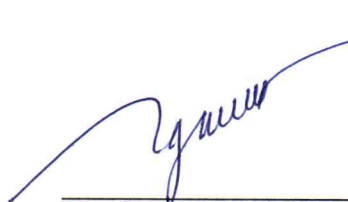
19. SỰ KIẾN QUAN TRỌNG TRONG NĂM


Đại dịch Covid-19


Đại dịch Covid-19 đang dẫn đến sự suy thoái kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực đến hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Nhóm Công ty đang hoạt động. Ban Giám đốc Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và công nợ tiềm tàng, và đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin tin cậy nhất có được đến ngày của báo cáo tài chính riêng này.

20. CÁC SỰ KIẾN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.


 Lý Trần Kim Ngân
 Người lập


 Vũ Đăng Linh
 Giám đốc Tài chính


 Trần Huy Thanh Tùng
 Tổng Giám đốc



Ngày 30 tháng 01 năm 2023